

Số: 81/2002/QĐ-UB

Cần Thơ, ngày 30 tháng 7 năm 2002

**quyết định của UBND tỉnh Cần Thơ
Về việc phê duyệt "Kế hoạch hành động
Vi sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Cần Thơ đến năm 2005"**

Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Quyết định số 19/2002/QĐ-TTg ngày 21/1/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010;

Căn cứ Kế hoạch số 26/2002/KH-UBQG ngày 18/3/2002 của Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về Kế hoạch hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2005;

Theo đề nghị của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Cần Thơ,

quyết định:

Điều 1. Nay, phê duyệt kèm theo Quyết định này "Kế hoạch hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Cần Thơ đến năm 2005".

Điều 2. Giao Trưởng ban Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ của tỉnh Cần Thơ phối hợp với ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện triển khai thực hiện "Kế hoạch hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Cần Thơ đến năm 2005".

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thành viên Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ của tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

tm.Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ
kt.chủ tịch
phó chủ tịch
Võ Thanh Tông

**kế hoạch hành động
Vi sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Cần Thơ đến năm 2005**
(Ban hành theo Quyết định số /2002/QĐ-UB
ngày tháng 7 năm 2002 của UBND tỉnh)

PHẦN I

**KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG THỰC HIỆN
CÁC MỤC TIÊU VI SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ ĐẾN NĂM 2001**

I/- Tình hình kinh tế - xã hội, đời sống dân cư trong tỉnh đến năm 2001:

Tỉnh Cần Thơ có vị trí địa lý ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 2.986km², dân số 1.855.991 người, trong đó nữ 945.256 người, chiếm 50,93%.

Năm 2001 tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển khá trên nhiều lĩnh vực, tạo được sự chuyển biến tốt trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ X tỉnh Đảng bộ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 -2005 của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, công tác quy hoạch quản lý đầu tư xây dựng cơ bản có bước tiến bộ so với trước, nhiều công trình đã phát huy ngay hiệu quả, sản xuất công nghiệp địa phương phát triển mạnh, nhiều doanh nghiệp đã năng động

hơn trong sản xuất kinh doanh, mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản xuất. Hoạt động các ngành dịch vụ ngày càng đa dạng hơn về loại hình, chất lượng được nâng cao, phục vụ tốt nhu cầu phát triển của xã hội.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội có bước phát triển, đời sống nhân dân, trong đó có phụ nữ từng bước được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Những kết quả trên được thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản đã đạt được trong năm 2001 như sau:

*** Về kinh tế :**

- Tăng trưởng kinh tế đạt 9,65 %
- Thu nhập bình quân đầu người 353 USD (tương đương 4.992.900 đồng) tăng 8,6 % so năm 2000.
- Kim ngạch xuất khẩu 280 triệu USD tăng 14,89 % so năm 2000. Kim ngạch nhập khẩu 104,86 triệu USD tăng 25,54 % so năm 2000.
- Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn tăng 5,7 % so với năm 2000.

*** Về xã hội : (một số chỉ tiêu về mức sống)**

- Mức giảm sinh 0,3 %, tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên 11,98 ‰.
- Giải quyết việc làm 30.500 lao động (năm 2000 : 28.250 lao động).
- Tỉ lệ lao động qua đào tạo 12,78 % (năm 2000 : 11%)
- Tỉ lệ thất nghiệp thành thị 6,82 % (năm 2000 : 7,16 %)
- Tỉ lệ hộ nghèo 7,99 % (năm 2000 : 9,64 %)
- Tỉ lệ hộ sử dụng nước sạch 65 % (năm 2000 : 60 %)
- Tỉ lệ hộ được dùng điện 81,8 % (năm 2000 : 72,99 %)
- Tỉ lệ xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia 100 %
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế 100% (năm 2000 : 100%)
- Trạm y tế có Bác sĩ và nữ hộ sinh 100% (năm 2000 : 100%)
- Trạm y tế có y sĩ sản nhi 100 % (năm 2000 : 96,33 %)
- Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi 27 % (năm 2000 : 28,5%).
- Duy trì chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục Tiểu học đã được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận năm 1998.

Những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, ngoài một số chính sách, chủ trương đầu tư phát triển kinh tế - xã hội được Trung ương ban hành và sửa đổi thông thoáng, phù hợp hơn với tình hình thực tiễn của địa phương, sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự điều hành năng động của các cấp, các ngành, sự phối hợp chặt chẽ của UBMTTQ và các đoàn thể. Đặc biệt là sự đóng góp to lớn của phụ nữ đã thể hiện được vai trò, vị trí, năng lực thực chất về hoạt động cống hiến của chị em cho công tác xã hội.

III/- Hiện trạng thực hiện các mục tiêu Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh:

Qua quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Cần Thơ, UBND tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện cho Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh hoạt động, cùng với sự năng nổ của các thành viên theo đúng chức năng, nhiệm vụ đang đảm nhiệm của từng ngành đã tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ, trẻ em.

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh được củng cố, đi vào hoạt động có nề nếp hơn, xây dựng được quy chế hoạt động, thực hiện chế độ họp định kỳ của Ban hàng quý, có sơ, tổng kết rút kinh nghiệm 6 tháng, 1 năm và đề ra kế hoạch hành động của Ban, kết quả đạt được thể hiện qua các mục tiêu cụ thể như sau:

- Tạo việc làm mới cho 12.235 người, giảm tỉ lệ nữ thiếu việc làm từ 23,70% (1997) xuống còn 20,6% (2000). Tăng tỉ lệ sử dụng có hiệu quả thời gian lao động của phụ nữ nông thôn từ 72,41% năm 1997 lên 76,14% (2000)... Tình hình việc làm, đời sống của chị em phụ nữ đã được quan tâm cải thiện hơn trước, cùng với việc tạo điều kiện để chị em được tiếp cận với các nguồn trợ vốn. Hội phụ nữ cùng các ngành đã chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng để đảm bảo đồng vốn sử dụng có hiệu quả.

- Tạo điều kiện cho phụ nữ bình đẳng trong giáo dục, Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp cùng các Sở, Ban ngành, đoàn thể đã có bước cải cách nội dung, hình thức đào tạo, nâng tỉ lệ học sinh nữ ở các bậc học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; xây dựng Quỹ Hỗ trợ tài năng nữ cho nữ sinh nghèo học giỏi 16 suất (mỗi suất 100.000 đ).

- Việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt cho phụ nữ, trẻ em, các đối tượng chính sách xã hội được quan tâm. Chủ trương thực hiện xã hội hóa, phát triển mạng lưới y tế cơ sở được mở rộng và có nhiều tiến bộ. Ngành Y tế, Dân số - kế hoạch hóa gia đình đã tổ chức các

điểm khám bệnh định kỳ cho phụ nữ 2 lần/ năm và cấp thuốc miễn phí trên 100 triệu đồng. Hội Liên hiệp phụ nữ đã có nhiều nội dung phong phú trong tuyên truyền cho phụ nữ những hiểu biết về vấn đề sức khỏe và sinh sản.

- Vai trò, vị trí của phụ nữ trong việc tham gia bộ máy lãnh đạo được nâng cao; công tác quy hoạch đào tạo, điều động bố trí, sử dụng cán bộ nữ, nhất là đối với cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp đều có tham khảo trao đổi trước với Hội phụ nữ; bảo vệ phát huy quyền của phụ nữ và tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia các hoạt động cộng đồng xã hội.

PHẦN II

Kế hoạch hành động Vì Sự TIẾN BỘ của PHỤ NỮ tỉnh Cần Thơ ĐẾN NĂM 2005

I/- Mục tiêu tổng quát:

Ổn định và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ. Tạo mọi điều kiện để thực hiện có hiệu quả các quyền cơ bản và phát huy vai trò của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

III/- Các mục tiêu cụ thể:

1/- Mục tiêu 1: Thực hiện các quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm:

Tiến hành song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế. Sử dụng tốt hơn nguồn lao động, giải quyết những vấn đề bức xúc của tỉnh về việc làm, xóa đói giảm nghèo, ổn định cải thiện đời sống một bộ phận phụ nữ nghèo, đẩy lùi tệ nạn xã hội, tạo quyền bình đẳng cho phụ nữ trong lao động, việc làm nâng cao chất lượng cuộc sống cho phụ nữ.

1.1. Các chỉ tiêu cụ thể:

- Trong 5 năm giải quyết việc làm 70.000 - 80.000 lao động nữ/175.000 - 200.000 lao động chung của tỉnh (bình quân mỗi năm giải quyết 14.000 -16.000 lao động nữ). Đạt 40% lao động trong tổng số người được tạo việc làm mới trong tỉnh.
- Giảm lao động thất nghiệp thành thị còn 4,5%.
- Tăng tỉ lệ sử dụng thời gian lao động nữ ở nông thôn lên 80%.
- Tăng tỉ lệ lao động qua đào tạo lên 20% tổng số lao động.
- Bình quân mỗi năm giảm tỉ lệ hộ nghèo do nữ làm chủ hộ 1%. Góp phần hạ tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh còn dưới 5%.
- Quan tâm số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn từ chương trình XĐGN 80%.
- 50% phụ nữ trong tổng số người được vay vốn tín dụng 35/70 tỷ đồng chung của tỉnh.

1.2. Các biện pháp :

1.2.1. Đảm bảo việc làm, đẩy mạnh XĐGN cho phụ nữ:

Các ngành các địa phương mà chủ yếu là ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cần quan tâm lưu ý lồng ghép vấn đề nữ trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh.

Đưa công tác lồng ghép Giới trong các chương trình XĐGN, giải quyết việc làm ở địa phương.

1.2.2. Tăng cường thúc đẩy thực hiện chính sách đối với lao động nữ:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường công tác thanh tra lao động và xử lý thích đáng các hành vi xâm phạm nhân phẩm, vi phạm quyền lợi của lao động nữ, vi phạm quy định an toàn, vệ sinh lao động đối với nữ.

Liên đoàn lao động tỉnh có biện pháp cụ thể tăng cường trách nhiệm và nâng cao năng lực của tổ chức Công Đoàn, Ban nữ công hoạt động trong các doanh nghiệp .

1.2.3. Tăng cường đào tạo nghề và khả năng tiếp cận các nguồn lực kinh tế cho phụ nữ:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đưa quan điểm Giới, lồng ghép Giới trong kế hoạch đào tạo nghề cho các địa phương, tăng tỉ lệ lao động nữ qua đào tạo lên 20% tổng số lao động.

Ưu tiên cho vay vốn để giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo từ các các nguồn vốn: Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, vốn ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn hỗ trợ đồng bào dân tộc, vốn XĐGN vốn hỗ trợ các đoàn thể...

Đề nghị hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh tiếp tục cải tiến thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ được vay vốn phát triển sản xuất, phần đầu đạt tỷ lệ 50% trong tổng số người được vay vốn. Tăng cường phát huy hiệu quả các hoạt động của nhóm "Phụ nữ tiết kiệm" tạo điều kiện giúp phụ nữ phát triển sản xuất ổn định.

Mở các cơ sở dạy nghề cho phụ nữ như: thêu, may, đan đác, ngành nghề truyền thống của địa phương, thu hút từ 15.000 - 20.000 người (mỗi huyện, thị, thành có từ 5 - 10 cơ sở dạy nghề cho phụ nữ).

Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phát triển trung tâm, lớp dạy nghề cho phụ nữ. Phần đầu mỗi đơn vị huyện, thị, thành có từ 5-10 cơ sở dạy nghề. Toàn tỉnh có từ 50 -100 cơ sở dạy nghề tạo việc làm cho phụ nữ. Nghiên cứu hình thành dịch vụ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động nữ, nhằm ưu tiên và tạo thuận lợi cho lao động nữ tiếp cận thị trường lao động.

2I- Mục tiêu 2: Thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục :

Tạo điều kiện cho phụ nữ được bình đẳng trong Giáo dục - Đào tạo bằng nhiều loại hình với quy mô phù hợp, đạt hiệu quả, góp phần nâng mặt bằng trình độ học vấn chung trong tỉnh lên ngang lớp 9. Đảm bảo đến năm 2005, phụ nữ góp phần đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nhà. Tạo điều kiện cho những học sinh, sinh viên nữ có năng khiếu, có triển vọng được đào tạo tại các trung tâm đào tạo chất lượng cao hoặc du học ở nước ngoài. Sau khi tốt nghiệp được ưu tiên bố trí giảng dạy, việc làm.

2.1. Chỉ tiêu cụ thể:

Tiếp tục duy trì thành quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đã được Bộ công nhận đạt chuẩn Quốc gia từ năm 1998; trong đó phần đầu xóa mù chữ cho 97% số phụ nữ mù chữ ở độ tuổi dưới 40. Tiếp tục nâng cao tỉ lệ phổ cập đúng độ tuổi cho phụ nữ.

Quy hoạch và tổ chức lại một cách hợp lý hệ thống dạy nghề, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nghề cho phụ nữ. Phần đầu đến năm 2005 tỉ lệ lao động nữ được đào tạo 30%, trong đó đào tạo nghề 20%.

Quan tâm đào tạo trên Đại học, hằng năm ngân sách dành tỉ lệ thích đáng để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng học sinh, sinh viên giỏi, có năng khiếu, phần đầu tăng tỉ lệ nữ lên trên 30% tổng số người được đào tạo trên Đại học.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ nữ về kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính cơ bản, nâng cao phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, tài năng và ý chí kiên định lập trường cách mạng, đào tạo về chính trị, tin học và ngoại ngữ... từ 30 % trở lên.

2.2. Các biện pháp :

- Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp với Hội khuyến học và Hội Liên hiệp phụ nữ xây dựng chương trình khuyến học, khuyến khích phụ nữ tham gia học tập, nâng cao trình độ, vận động chị em bị mù chữ, tích cực tham gia các lớp xóa mù chữ, chống tái mù chữ. Triển khai Chương trình giáo dục cho mọi người, vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho chị em được học tập.

Phần đầu đến năm 2005 đưa 90% trẻ từ 3 -5 tuổi vào các trường, lớp mẫu giáo; 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1.

- Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức xây dựng Quỹ "Học bổng Nguyễn Thị Định" hàng năm để hỗ trợ trẻ em gái nghèo và phối hợp các ngành đề xuất hình thức hỗ trợ cho trẻ em gái, sinh viên nữ nghèo học giỏi. Phối hợp Sở Văn hóa - Thông tin tuyên truyền rộng rãi về lợi ích của giáo dục đối với phụ nữ và trẻ em gái.

- Hội phụ nữ phối hợp với Sở Giáo dục -Đào tạo và Tỉnh Đoàn tổ chức chiến dịch "ánh sáng văn hóa hè" bổ túc tiểu học, trung học cơ sở cho phụ nữ vùng nông thôn tuổi dưới 40.

- Hội Liên hiệp phụ nữ và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp vận động phụ nữ, trước hết là nữ Đoàn viên phải tiếp tục học sau xóa mù chữ, bổ túc tiểu học, trung học cơ sở, coi đây là một trong những tiêu chuẩn trong bình xét danh hiệu thi đua của đơn vị.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho phụ nữ :

+ Sở Giáo dục - Đào tạo cải cách nội dung, hình thức đào tạo, đồng thời phối hợp với trường Đại học Cần Thơ, Cao Đẳng, Trung học chuyên nghiệp tuyển sinh đảm bảo tỷ lệ nữ sinh ở các trường chiếm tỷ lệ trên 30%.

+ Quan tâm tuyển sinh nữ vào các cơ sở dạy nghề, công nhân kỹ thuật chiếm tỷ lệ trên 40%. Nhằm tăng cường lực lượng lao động cán bộ kỹ thuật là nữ trong các năm tới. Lồng ghép quan điểm Giới vào các trường hướng nghiệp dạy nghề.

+ Phối hợp với Hội phụ nữ, các ngành tổ chức tuyên truyền, tư vấn và vận động nữ sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông sớm chọn ngành nghề phù hợp nhu cầu phát triển của thị trường lao động, có hình thức khuyến khích bồi dưỡng học khối A, thi khối A và thi vào các ngành nghề gắn với kỹ thuật hiện đại.

+ Sở Giáo dục - Đào tạo nghiên cứu đưa chương trình bình đẳng Giới trong chương trình giáo dục: có kế hoạch quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý, nữ tham gia quản lý; phấn đấu mở 1 lớp nữ Thạc sĩ quản lý văn hóa xã hội tại chức ở tỉnh. Phấn đấu mỗi đơn vị quản lý giáo dục ở các trường Cao Đẳng và Trung học chuyên nghiệp, các Sở - Phòng Giáo dục - Đào tạo có ít nhất một nữ tham gia lãnh đạo quản lý.

+ Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp Trường Chính trị đẩy mạnh bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, công chức nữ ngành Giáo dục - Đào tạo.

3/- Mục tiêu 3: Thực hiện các quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe :

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo các ngành, đoàn thể cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ. Thực hiện xã hội hoá y tế, mở rộng mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh. Tổ chức các điểm khám định kỳ cho phụ nữ. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, nhân viên sức khỏe cộng đồng, giáo dục tuyên truyền 100% phụ nữ được tiếp nhận dịch vụ và tuyên truyền chăm sóc sức khỏe cơ bản. Thực hiện tốt chương trình trọng điểm để nâng cao sức khỏe cho phụ nữ.

3.1. Các chỉ tiêu:

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe phụ nữ, chủ động phòng chống dịch bệnh, nâng cao thể lực, sức khỏe phụ nữ, đảm bảo tăng tuổi thọ trung bình của phụ nữ lên 71 tuổi.

Xây dựng mạng lưới y tế cơ sở gắn với chương trình phát triển nông thôn và quá trình đô thị hóa. Lồng ghép có hiệu quả các chương trình, mục tiêu quốc gia trên địa bàn đảm bảo kết quả các mục tiêu của công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ và dân số KHHGĐ. Phát triển y tế áp, tình nguyện viên sức khỏe cộng đồng để tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận với các dịch vụ y tế từ 90% năm 2001 lên 95% năm 2005.

Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ có liên quan đến thai sản xuống 80/100.000 ca. Tăng tỷ lệ phụ nữ có thai được khám đủ 3 lần từ 60% năm 2001 lên 70% vào năm 2005. 100% trạm y tế có nữ hộ sinh, trong đó nữ hộ sinh trung cấp đạt 100%.

3.2. Các giải pháp:

3.2.1. Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ:

Sở Y tế chủ trì phối hợp với ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em triển khai các chiến dịch truyền thông nhằm giáo dục nâng cao nhận thức, tiến tới thay đổi hành vi và các thói quen của nhân dân nói chung và phụ nữ nói riêng trong chăm lo sức khỏe cho phụ nữ và thực hiện KHHGĐ. Đồng thời nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ ngành y tế, ngành dân số đối với công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Sở Y tế phối hợp với ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh Đoàn, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng mạng lưới tư vấn sức khỏe, sức khỏe sinh sản - KHHGĐ cho các cộng tác viên, tuyên truyền viên. Cung cấp dịch vụ tư vấn về giới tính và tình dục an toàn cho lứa tuổi vị thành niên; vận động nam giới áp dụng các biện pháp phòng tránh thai.

Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh mở các lớp bồi dưỡng kiến thức cho phụ nữ đến tận cơ sở giúp chị em biết cách chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình, phòng trừ dịch bệnh, tích cực hưởng ứng các chiến dịch chăm sóc sức khỏe ban đầu và vệ sinh phòng bệnh, tiêm chủng đủ liều cho trẻ. Lồng ghép chương trình bồi dưỡng, giáo dục trong các buổi họp, sinh hoạt tổ chức Hội phụ nữ.

3.2.2. Tăng cường số lượng và chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe - kế hoạch hoá gia đình cho phụ nữ:

- Sở Y tế phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tổ chức các điểm khám định kỳ cho phụ nữ ở cơ sở, đặc biệt quan tâm các xã vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc. Đặc biệt quan tâm đối tượng phụ nữ nghèo ít có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ y tế. Thường xuyên tổ chức các đợt khám, cấp thuốc miễn phí cho phụ nữ - trẻ em, giảm lệ phí khám và chữa bệnh cho phụ nữ nghèo.

- Tăng cường lực lượng cộng tác viên, tuyên truyền viên, nhân viên sức khỏe cộng đồng và y tế cơ sở đảm bảo đáp ứng cung cấp dịch vụ KHHGĐ cho nhân dân. Tạo điều kiện cho phụ nữ có nhiều cơ hội lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp và hiện đại. Tạo điều kiện cho nam giới được tham vấn chủ động áp dụng các biện pháp tránh thai.

- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phối hợp với Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội, mở các lớp tuyên truyền phòng chống ma túy, mại dâm và các biện pháp hạn chế sự lây nhiễm HIV và các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục cho các đối tượng phụ nữ.

- Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá quan tâm bố trí kinh phí đầu tư cho lĩnh vực y tế dự phòng, y tế cơ sở, ưu tiên kinh phí cho chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em.

3.2.3. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà Nước đối với công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ:

- Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan Đoàn thể xây dựng chương trình triển khai đa dạng hóa các loại hình BHYT và tạo điều kiện cho phụ nữ ngoài khu vực Nhà nước, phụ nữ nông thôn được tham gia BHYT. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục duy trì thực hiện BHYT cho người nghèo, trong đó có phụ nữ nghèo.

- Sở Y tế phối hợp Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và các ngành liên quan tiến hành khảo sát điều kiện lao động của phụ nữ trong các xí nghiệp sản xuất có môi trường độc hại.

Ban Tổ chức chính quyền tỉnh có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ nữ ngành Y tế, Dân số - Gia đình và Trẻ em, nâng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý, lãnh đạo trong hệ thống tổ chức của hai ngành trên.

4I- Mục tiêu 4: *Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội để tăng số phụ nữ được giới thiệu và bầu tham gia lãnh đạo các cấp các ngành.*

Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh phối hợp cùng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh đề ra kế hoạch quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ.

4.1. Các chỉ tiêu:

- Phần đầu tỷ lệ nữ tham gia HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2004 - 2009 là 28%. Cấp huyện, thị, thành là 23%; cấp xã, phường, thị trấn là 18%.

- Phần đầu đạt 70% cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội ở cấp tỉnh, huyện, thị, thành có nữ tham gia lãnh đạo.

- Các ngành y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội và doanh nghiệp nhà nước có 30% lực lượng lao động nữ trở lên, có cán bộ nữ tham gia Ban lãnh đạo.

4.2. Các biện pháp:

4.2.1. Quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo nữ:

- Nâng cao trách nhiệm, tăng cường sự phối hợp trong công tác cán bộ nữ. Đề nghị các cấp ủy Đảng tăng cường vai trò lãnh đạo đối với công tác cán bộ nữ, cụ thể là việc chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 37/CT-TW về công tác cán bộ nữ.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ. Đến năm 2005 có 70% cán bộ chuyên trách nữ giữ các chức vụ qua bầu cử được đào tạo, bồi dưỡng có trình độ trung cấp. Có khoảng 80% cán bộ công chức nữ có trình độ chuyên môn, trình độ trung cấp trở lên.

- Ban Tổ chức chính quyền tỉnh phối hợp các ngành, đoàn thể tổ chức khảo sát, nắm tình hình đội ngũ cán bộ nữ, trên cơ sở quy hoạch cán bộ nữ, có kế hoạch đào tạo cán bộ nữ trong những năm tiếp theo, hằng năm có 30% tỷ lệ nữ được đào tạo trên tổng số người được đào tạo qua các chương trình trung học chính trị (tại chức); trung học hành chính (chính quy); Cử nhân chính trị; Cử nhân hành chính; Đại học các ngành (tại chức và chính quy); Trung cấp, Đại học Luật; Tin học nâng cao; Anh văn; tu nghiệp ở nước ngoài; sau đại học... khoảng 1.200 nữ/4.200 người. Tỷ số người được đi học 30%.

- Phần đầu tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan tổ chức cán bộ, chính quyền, các ngành ở cấp tỉnh, huyện, xã. Chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch 10 năm phát triển đội ngũ quản lý, lãnh đạo nữ trong cán bộ, công chức Nhà nước.

- Ban Tổ chức chính quyền tỉnh có biện pháp cụ thể hướng dẫn các cơ quan tổ chức Ban, ngành, Công ty, Xí nghiệp các cấp trong tỉnh thực hiện quy hoạch cán bộ nữ và tổ chức kiểm tra đánh giá hằng năm. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh có kế hoạch phối hợp với các ngành để theo dõi giới thiệu, bồi dưỡng nguồn cán bộ nữ. Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ đạo Ban Nữ công các cấp nâng cao trách nhiệm, tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển, quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ nữ của các cơ quan, đơn vị.

Hàng năm Ban Tổ chức chính quyền cùng Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tổ chức đánh giá công tác cán bộ nữ.

- Đề nghị các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp đóng trên địa bàn và Trường Chính trị tỉnh đưa chuyên đề bình đẳng Giới vào chương trình đào tạo.

Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh lồng ghép vấn đề Giới trong tổ chức cán bộ và có biện pháp chỉ đạo cụ thể cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể các cấp trong tỉnh triển khai thực hiện. Xây dựng cơ cấu tổ chức nữ trong các ngành chủ chốt.

Tăng cường các biện pháp nâng cao nhận thức về bình đẳng Giới và trang bị kiến thức Giới, tư duy lồng ghép Giới cho đội ngũ cán bộ, lãnh đạo cơ quan cấp tỉnh và cơ sở. Hướng dẫn thành lập bộ phận chuyên trách theo dõi công tác cán bộ nữ trong cơ quan.

- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo và các ngành có liên quan đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tỉnh mở lớp nữ Thạc sĩ quản lý văn hóa- xã hội tại chức tại Cần Thơ.

- Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và ngoài xã hội:

Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thực thi pháp luật, thi hành và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm thân thể và nhân phẩm phụ nữ nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ.

Tăng cường trang bị kiến thức về pháp luật cho cán bộ lãnh đạo các cấp nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm về bảo vệ các quyền của phụ nữ.

Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh kết hợp với ngành Tư Pháp tăng cường cả về số lượng và chất lượng các hoạt động trợ giúp pháp lý đối với phụ nữ; giáo dục pháp luật về hôn nhân gia đình cho phụ nữ, nhất là quy định về kết hôn với người nước ngoài. Phối hợp với công an, chính quyền địa phương có biện pháp giáo dục, xử lý các vụ ngược đãi trong gia đình làm tổn hại tinh thần, thể lực và nhân phẩm của phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt là tệ ép hôn, tảo hôn, xâm hại tình dục, đánh đập ngược đãi, mua bán phụ nữ và trẻ em gái. Có kế hoạch chỉ đạo cho các cấp Hội phụ nữ trong tỉnh tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp phụ nữ làm tốt chức năng của mình để bảo vệ hạnh phúc gia đình, tăng quyền bình đẳng trong các mối quan hệ và điều kiện hưởng thụ phúc lợi, nghỉ ngơi, giải trí trong gia đình. Làm nòng cốt phối hợp với các đoàn thể, tổ chức xã hội ở địa phương có biện pháp kiên quyết chống ngược đãi phụ nữ trong gia đình, lên án mọi hình thức ngược đãi phụ nữ và giám sát các cơ quan chức năng xử lý nghiêm khắc các vụ ngược đãi phụ nữ trong gia đình. Tuyên truyền rộng rãi Công ước CEDAW "xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối với phụ nữ." Phối hợp ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em phát hiện kịp thời các hành vi bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái đồng thời tạo chỗ dựa tinh thần, giúp đỡ họ tìm giải pháp thỏa đáng.

5/- Mục tiêu 5: Tăng cường năng lực hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ:

Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức bộ máy hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các ngành các cấp từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Phân biệt rõ vai trò của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ với vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ.

5.1. Các chỉ tiêu:

- Đạt tỷ lệ 100% cán bộ hoạt động Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp, các ngành được huấn luyện về kỹ năng hoạt động.

- 100% cán bộ lãnh đạo các Sở, Ban ngành và đoàn thể ở tỉnh được tập huấn, nâng cao nhận thức về bình đẳng Giới.

5.2. Các biện pháp:

Chỉ đạo tổ chức bộ máy hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các ngành, các địa phương nhằm đảm bảo nguồn nhân lực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

Hàng năm Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về Giới, kỹ năng hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ cho cán bộ lãnh đạo các Sở, Ban ngành, đoàn thể các cấp trong tỉnh.

Tiếp tục cải tiến phương thức, nội dung hoạt động nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường lồng ghép Giới vào quá trình hoạch định chính sách:

- Sở Kế hoạch - Đầu tư chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương đưa vấn đề Giới vào các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở các ngành, các địa phương.

- Tổ chức triển khai Kế hoạch lồng ghép Giới và triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động này ở các Sở, Ban ngành, các địa phương.

- Hàng năm Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ phối hợp cùng các ngành, các địa phương kiểm tra việc thực hiện pháp luật và chính sách đối với phụ nữ.

- Các Sở, Ban ngành tỉnh, các địa phương có kế hoạch cụ thể để Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ được tham gia đầy đủ vào quá trình xây dựng và giải quyết những vấn đề liên quan đến nữ trong lĩnh vực quản lý được giao.

- Sở Văn hóa - Thông tin, Báo Cần Thơ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh tăng cường tuyên truyền về bình đẳng Giới và luật pháp, chính sách đối với nữ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao trách nhiệm và thu hút sự tham gia rộng rãi của các ngành, các địa phương và các cá nhân hoạt động vì bình đẳng nam, nữ.

- Các ngành, các địa phương tiếp tục thực hiện Quyết định 163 của Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) nhằm đảm bảo các điều kiện cho Hội Liên hiệp phụ nữ hoạt động và tham gia quản lý Nhà nước.

- Tạo cơ chế tài chính và nguồn kinh phí phù hợp đáp ứng cho hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Cần Thơ.

- Sở Tài chính - Vật giá hướng dẫn cụ thể việc sử dụng ngân sách của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh, các ngành, các địa phương.

- Sở Kế hoạch - Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá hướng dẫn việc phân bổ và cân đối ngân sách đầu tư nguồn lực thích hợp cho nội dung hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cấp tỉnh và các địa phương.

- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Sở Kế hoạch - Đầu tư và các Sở, Ban, ngành, địa phương tăng cường vận động tài trợ cho việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động này.

- Đẩy mạnh công tác khảo sát, nghiên cứu và thu nhập thông tin về phụ nữ và Giới. Trong các cuộc Tổng điều tra và điều tra dân số, lao động - xã hội và việc làm, số liệu được tách biệt theo giới tính và lồng ghép thống kê giới trong tất cả các cuộc điều tra.

III/- Tổ chức thực hiện:

1/- Triển khai thực hiện:

- Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh, Sở Kế hoạch - Đầu tư, chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các địa phương và UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện tổ chức triển khai thực hiện 5 mục tiêu của Kế hoạch hành động, bố trí mục tiêu về bình đẳng giới trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương đến năm 2005.

- Đề nghị các đơn vị có liên quan trong Kế hoạch hành động xây dựng kế hoạch hành động của đơn vị, địa phương mình nhằm triển khai thực hiện tại cơ sở và lồng ghép chặt chẽ với các hoạt động chuyên môn, chỉ đạo thực hiện theo ngành dọc nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Có sơ tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh để tổng hợp báo cáo về UBND tỉnh và ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam.

Đề nghị UBMTTQ và các đoàn thể triển khai Kế hoạch hành động trong hoạt động của đoàn thể mình, đồng thời tham gia giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động ở các ngành, các địa phương.

2/- Kinh phí thực hiện:

- Sở Tài chính - Vật giá hướng dẫn các ngành, địa phương lập dự toán cho hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ. Hàng năm, căn cứ vào chương trình hành động, hoạt động cụ thể, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ lập dự toán kinh phí và thực hiện theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

- Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh và các địa phương tích cực vận động các nguồn kinh phí ở trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ việc thực hiện chiến lược và Kế hoạch hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ cũng như các dự án về Giới.

3/- Kiểm tra, đánh giá tổng kết:

Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh phối hợp với các ngành và các địa phương hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động ở các Sở, Ban, ngành, các địa phương theo định kỳ 6 tháng/lần. Tổ chức sơ kết hàng năm và tổng kết Kế hoạch hành động vào năm 2005, đồng thời báo cáo về ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam.

TM. UBND tỉnh cần thơ

kt. chủ tịch

phó chủ tịch

Võ Thanh Tùng